

快 / 快要 / 就要 / 要……了

chọn đáp án đúng

1) 他下月_____结婚了。

Tā xià yuè _____jiéhūnle.



2) 王太太的儿子_____两岁了。

Wáng tàitai de érzi _____liǎng suìle.

3) 下个月我_____去中国留学!

xià gè yuè wǒ _____qù zhōng guó liú xué.



4) 我们的钱_____没有了!

wǒ men de qián _____méi yǒu le

5) 还有两天_____考试了!

hái yǒu liǎng tiān_____ kǎo shì le

